TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH K** **THÀNH PHỐ CẦN T** Bản án số: 98/2018/HNGĐ-ST Ngày: 09/10/2018 V/v "*TrAh chấp ly hôn*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Võ Hồng T**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Nguyễn Thị T H.

2/ Quách Thị Thu H.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Lê H L**- Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh K, thành phố Cần T.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh K, thành phố Cần T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 358/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017 về *"TrAh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 900/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1982 (*Có mặt*).

Địa chỉ: số 1/3B khu vực Yên Thượng, phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần T.

- *Bị đơn*: Ông **Trương Hoài T**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: số 71 đường Hai Bà Trưng, phường Tân A, quận Ninh K, thành phố Cần T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2017 và quá trình giải quyết, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Trước đây bà D và ông T tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn, lý do vợ chồng bất đồng quA

điểm, không hợp với nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả, hàn gắn nhưng không được. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương Hoài T.

Về con chung có 01 cháu: Trương Nguyễn T Huy (giới tính nam, sinh ngày 27/09/2004) bà D yêu cầu được nuôi cháu Huy và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Huỳnh Nguyễn D Thy (nữ) sinh ngày 16/8/1999 theo bà D đó là con của người chị ruột của bà tên Nguyễn Thị Ngọc Diệp với ông Huỳnh Hiếu Hùng. Bà D ông T nhận làm con nuôi để bé tiện việc tới lui đi học ở phường Tân A.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trương Hoài T có ghi nhận ý kiến trong bản tự khai của ông như sau: Ông T đồng ý ly hôn theo đơn của bà D, về việc nuôi con thì theo ý kiến của con, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung ông T xác nhận không có. Đồng thời ông T có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà D vẫn giữ yêu cầu khởi kiện bA đầu xin được xem xét cho ly hôn đối với ông T. Về tài sản chung, nợ chung bà xác nhận không có và đồng ý để Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn – ông T. Về con chung, theo nguyện vọng của cháu Trương Nguyễn T Huy (nam) sinh ngày 27/09/2004 muốn sống với cha, mặt khác để cháu tiện việc đi lại học hành bà D cũng đồng tình để ông T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huy. Bà D sẽ hỗ trợ tiền cùng ông T nuôi con ruột chung là cháu Huy nhưng yêu cầu Tòa không ghi nhận việc cấp dưỡng. Đối với con nuôi là cháu Huỳnh Nguyễn D Thy (nữ) sinh ngày 16/8/1999 đến thời điểm xét xử cháu đã trưởng thành nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục: Ông Trương Hoài T có văn bản yêu cầu Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt ông nên Tòa án áp dụng Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông Trương Hoài T là phù hợp quy định của pháp luật.

Về hôn nhân: Bà D và ông T tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân phường Tân A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn Quyển số 01, số

43 vào ngày 31/5/2002 nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quA điểm thường xuyên cự cãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập ông T với mục đích đưa ra các biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng của ông bà tuy nhiên ông T không đến theo giấy triệu tập và có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chứng tỏ ông T không tha thiết đoàn tụ, mâu thuẫn giữa bà D và ông T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mAg lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung ông bà có 01 con ruột chung là cháu Trương Nguyễn T Huy (nam) sinh ngày 27/09/2004. Xét ông T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu theo như nguyện vọng của cháu Huy đã viết và sự đồng thuận của bà D và ông Huy là để cháu Huy tùy sự lựa chọn sống với ba hay mẹ là hợp lý.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo bản tự khai ông T khai không yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con đồng thời bà D có ý kiến sẽ cấp dưỡng tự nguyện nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà D.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở bà D thực hiện quyền này.

Cháu Huỳnh Nguyễn D (nữ) 16/8/1999 trong hộ khẩu là con của ông T bà D theo thủ tục con nuôi, đến thời điểm xét xử cháu đã trưởng thành nên không đề cập xem xét đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà D xác định không có và do xét xử vắng mặt ông T nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh trAh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí: Bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 ngày 26/12/2016 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao quy định án phí, lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trương Hoài T.

2. Về nuôi con chung: giao cháu Trương Nguyễn T Huy (nam) sinh ngày 27/09/2004 cho ông Trương Hoài T tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến khi cháu Huy tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà D không ai được ngăn cản bà D thực hiện quyền này.

Cháu Huỳnh Nguyễn D (nữ) 16/8/1999 đã trưởng thành nên không đề cập xem xét đến.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh trAh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai thu số 003631 ngày 29/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh K, thành phố Cần T, bà Mai không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa pH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Hồng T

Nơi nhận:
- *TAD TP. Cần T;*
- *VKSND Q. Ninh K;*
- *THA Q. Ninh K;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*